BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
TP. HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

THỜI KHÓA BIỂU

Học kỳ 1 - Năm học 2024 - 2025

(Dành cho ĐHCQ các khóa 13)

Lưu ý : - Phòng A306, PTN Hóa, PTN Môi trường là phòng học tại trụ sở 236B Lê Văn Sỹ, P1, Quận Tân Bình
- Tiết 1,2,3 bắt đầu lúc 6 giờ 30; tiết 4,5,6 bắt đầu lúc 9 giờ 00 ; tiết 7,8,9 bắt đầu lúc 12 giờ 30; tiết 10,11,12 bắt đầu lúc 15 giờ 00

STT	Lớp	Mã môn học	Môn học	Giảng viên	Số TC (LT)	Số TC (TH)	Thứ	Tiết	Phòng	Thời gian	Ghi chú
1	13_ĐH_BĐS	121115010	Triết học Mác - Lênin	TS.GVC Nguyễn Thị Hồng Hoa+ ThS Trần Thị Liên	3	0	2	4,5,6	609	23/09/2024-29/11/2024	
		121115010	Triết học Mác - Lênin	TS.GVC Nguyễn Thị Hồng Hoa+ ThS Trần Thị Liên	3	0	3	7,8,9	409	23/09/2024-25/10/2024	
		121115015	Pháp luật đại cương	ThS. Vũ Thị Hạnh Thu	2	0	5	4,5,6	610	23/09/2024-29/11/2024	
		111315006	Anh văn 1	ThS. Nguyễn Thị Lê Phi	3	0	4	4,5,6	608	23/09/2024-29/11/2024	
		111315006	Anh văn 1	ThS. Nguyễn Thị Lê Phi	3	0	3	4,5,6	610	23/09/2024-25/10/2024	
		111115008	Toán cao cấp 1	ThS. Huỳnh Đăng Nguyên	2	0	6	10,11,12	609	23/09/2024-29/11/2024	
2	13_ĐH_CNTT1	111315006	Anh văn 1	Trần Nguyễn Thị Nhất Vương	3	0	5	7,8,9	402	28/10/2024-29/11/2024	
		111315006	Anh văn 1	Trần Nguyễn Thị Nhất Vương	3	0	3	4,5,6	505	23/09/2024-29/11/2024	
		111215009	Cơ - Nhiệt	TS. Trần Bá Lê Hoàng	2	0	2	4,5,6	509	23/09/2024-29/11/2024	
		111115008	Toán cao cấp 1	ThS. Huỳnh Đăng Nguyên	2	0	4	7,8,9	409	23/09/2024-29/11/2024	
		170315012	Lập trình cơ bản	Ths. Ngô Tân Khai	2	1	2	10,11,12	402	23/09/2024-29/11/2024	
		170315014	Nhập môn công nghệ phần mềm	Ths. Phạm Trọng Huynh+ CN Nguyễn Phan Chí Thành	2	0	6	1,2,3	509	23/09/2024-29/11/2024	
		170315006	Hệ điều hành	Ths. Lê Tuấn Thu	3	0	6	4,5,6	609	23/09/2024-29/11/2024	
		170315006	Hệ điều hành	Ths. Lê Tuấn Thu	3	0	4	4,5,6	609	23/09/2024-25/10/2024	
3	13_ĐH_CNTT2	111315006	Anh văn 1	Trần Nguyễn Thị Nhất Vương	3	0	3	7,8,9	402	23/09/2024-29/11/2024	
		111315006	Anh văn 1	Trần Nguyễn Thị Nhất Vương	3	0	5	7,8,9	402	23/09/2024-25/10/2024	
		111215009	Cơ - Nhiệt	TS. Trần Bá Lê Hoàng	2	0	2	4,5,6	509	23/09/2024-29/11/2024	
		111115008	Toán cao cấp 1	ThS. Huỳnh Đăng Nguyên	2	0	4	7,8,9	409	23/09/2024-29/11/2024	
		170315014	Nhập môn công nghệ phần mềm	Ths. Phạm Trọng Huynh+ CN Nguyễn Phan Chí Thành	2	0	6	1,2,3	509	23/09/2024-29/11/2024	
		170315006	Hệ điều hành	Ths. Lê Tuấn Thu	3	0	6	4,5,6	609	23/09/2024-29/11/2024	
		170315006	Hệ điều hành	Ths. Lê Tuấn Thu	3	0	4	4,5,6	609	23/09/2024-25/10/2024	
		170315012	Lập trình cơ bản	Ths. Ngô Tân Khai	2	1	5	10,11,12	505	23/09/2024-29/11/2024	
4	13_ĐH_CNTT3	111315006	Anh văn 1	ThS. Nguyễn Gia Trung Quân	3	0	3	7,8,9	501	28/10/2024-29/11/2024	
		111315006	Anh văn 1	ThS. Nguyễn Gia Trung Quân	3	0	2	4,5,6	404	23/09/2024-29/11/2024	
		111215009	Cơ - Nhiệt	ThS. Nguyễn Thị Như Dung+ CN.Hà Anh Đông	2	0	2	7,8,9	610	23/09/2024-29/11/2024	
		111115008	Toán cao cấp 1	ThS. Dương Thị Xuân An	2	0	6	7,8,9	609	23/09/2024-29/11/2024	
		170315006	Hệ điều hành	Ths. Lê Tuấn Thu	3	0	6	1,2,3	608	23/09/2024-29/11/2024	

STT	Lớp	Mã môn học	Môn học	Giảng viên	Số TC (LT)	Số TC (TH)	Thứ	Tiết	Phòng	Thời gian	Ghi chú
		170315012	Lập trình cơ bản	Ths. Ngô Tân Khai	2	1	5	7,8,9	506	23/09/2024-29/11/2024	
		170315014	Nhập môn công nghệ phần mềm	Ths. Phạm Trọng Huynh	2	0	6	4,5,6	402	23/09/2024-29/11/2024	
		170315006	Hệ điều hành	Ths. Lê Tuấn Thu	3	0	4	7,8,9	505	23/09/2024-25/10/2024	
5	13_ĐH_CNTT4	111315006	Anh văn 1	ThS. Nguyễn Gia Trung Quân	3	0	3	10,11,12	403	23/09/2024-29/11/2024	
		111315006	Anh văn 1	ThS. Nguyễn Gia Trung Quân	3	0	5	4,5,6	404	23/09/2024-25/10/2024	
		111215009	Cơ - Nhiệt	ThS. Nguyễn Thị Như Dung+ CN.Hà Anh Đông	2	0	2	7,8,9	610	23/09/2024-29/11/2024	
		111115008	Toán cao cấp 1	ThS. Dương Thị Xuân An	2	0	6	7,8,9	609	23/09/2024-29/11/2024	
		170315006	Hệ điều hành	Ths. Lê Tuấn Thu	3	0	6	1,2,3	608	23/09/2024-29/11/2024	
		170315006	Hệ điều hành	Ths. Lê Tuấn Thu	3	0	4	7,8,9	505	23/09/2024-25/10/2024	
		170315012	Lập trình cơ bản	Ths. Ngô Tân Khai	2	1	2	4,5,6	505	23/09/2024-29/11/2024	
		170315014	Nhập môn công nghệ phần mềm	Ths. Phạm Trọng Huynh	2	0	6	10,11,12	404	23/09/2024-29/11/2024	
6	13_ĐH_CNTT5	111315006	Anh văn 1	ThS. Nguyễn Gia Trung Quân	3	0	2	10,11,12	501	23/09/2024-29/11/2024	
		111315006	Anh văn 1	ThS. Nguyễn Gia Trung Quân	3	0	3	7,8,9	501	23/09/2024-25/10/2024	
		111215009	Cơ - Nhiệt	ThS. Nguyễn Thị Như Dung+ CN.Hà Anh Đông	2	0	2	4,5,6	608	23/09/2024-29/11/2024	
		111115008	Toán cao cấp 1	ThS. Dương Thị Xuân An	2	0	6	10,11,12	509	23/09/2024-29/11/2024	
		170315006	Hệ điều hành	Ths. Lê Tuấn Thu	3	0	4	10,11,12	609	23/09/2024-25/10/2024	
		170315006	Hệ điều hành	Ths. Lê Tuấn Thu	3	0	5	7,8,9	609	23/09/2024-29/11/2024	
		170315012	Lập trình cơ bản	Ths. Ngô Tân Khai	2	1	2	7,8,9	506	23/09/2024-29/11/2024	
		170315014	Nhập môn công nghệ phần mềm	Ths. Phạm Trọng Huynh	2	0	4	7,8,9	501	23/09/2024-29/11/2024	
7	13_ĐH_CNTT6	111315006	Anh văn 1	ThS. Nguyễn Gia Trung Quân	3	0	3	4,5,6	504	23/09/2024-29/11/2024	
		111315006	Anh văn 1	ThS. Nguyễn Gia Trung Quân	3	0	5	1,2,3	502	23/09/2024-25/10/2024	
		111215009	Cơ - Nhiệt	ThS. Nguyễn Thị Như Dung+ CN.Hà Anh Đông	2	0	2	4,5,6	608	23/09/2024-29/11/2024	
		111115008	Toán cao cấp 1	ThS. Dương Thị Xuân An	2	0	6	10,11,12	509	23/09/2024-29/11/2024	
		170315006	Hệ điều hành	Ths. Lê Tuấn Thu	3	0	4	10,11,12	609	23/09/2024-25/10/2024	
		170315006	Hệ điều hành	Ths. Lê Tuấn Thu	3	0	5	7,8,9	609	23/09/2024-29/11/2024	
		170315012	Lập trình cơ bản	Ths. Ngô Tân Khai	2	1	5	4,5,6	502	23/09/2024-29/11/2024	
		170315014	Nhập môn công nghệ phần mềm	Ths. Phạm Trọng Huynh	2	0	4	4,5,6	502	23/09/2024-29/11/2024	
8	13_ĐH_HTTT1	111315006	Anh văn 1	Nguyễn Thị Thu Hương	3	0	5	7,8,9	505	23/09/2024-29/11/2024	
		111315006	Anh văn 1	Nguyễn Thị Thu Hương	3	0	3	10,11,12	609	23/09/2024-25/10/2024	
		111215009	Cơ - Nhiệt	ThS. Nguyễn Thanh Hằng	2	0	4	7,8,9	608	23/09/2024-29/11/2024	
		111115008	Toán cao cấp 1	ThS. Dương Thị Xuân An	2	0	3	7,8,9	610	23/09/2024-29/11/2024	
		170315006	Hệ điều hành	Ths. Lê Tuấn Thu	3	0	5	4,5,6	608	23/09/2024-29/11/2024	
		170315006	Hệ điều hành	Ths. Lê Tuấn Thu	3	0	6	7,8,9	509	23/09/2024-25/10/2024	
		170315012	Lập trình cơ bản	Ths. Trần Thị Hồng Tường	2	1	5	10,11,12	506	23/09/2024-29/11/2024	
		170315014	Nhập môn công nghệ phần mềm	Ths. Phạm Trọng Huynh+ CN Phạm Huỳnh Tuyết Trinh	2	0	4	1,2,3	610	23/09/2024-29/11/2024	
9	13_ĐH_HTTT2	111315006	Anh văn 1	Nguyễn Thị Thu Hương	3	0	5	10,11,12	609	23/09/2024-29/11/2024	
		111315006	Anh văn 1	Nguyễn Thị Thu Hương	3	0	3	4,5,6	506	23/09/2024-25/10/2024	
		111215009	Cơ - Nhiệt	ThS. Nguyễn Thanh Hằng	2	0	4	7,8,9	608	23/09/2024-29/11/2024	
		111115008	Toán cao cấp 1	ThS. Dương Thị Xuân An	2	0	3	7,8,9	610	23/09/2024-29/11/2024	
		170315006	Hệ điều hành	Ths. Lê Tuấn Thu	3	0	5	4,5,6	608	23/09/2024-29/11/2024	

STT	Lớp	Mã môn học	Môn học	Giảng viên	Số TC (LT)	Số TC (TH)	Thứ	Tiết	Phòng	Thời gian	Ghi chú
		170315006	Hệ điều hành	Ths. Lê Tuấn Thu	3	0	6	7,8,9	509	23/09/2024-25/10/2024	
		170315014	Nhập môn công nghệ phần mềm	Ths. Phạm Trọng Huynh+ CN Phạm Huỳnh Tuyết Trinh	2	0	4	1,2,3	610	23/09/2024-29/11/2024	
		170315012	Lập trình cơ bản	Ths. Trần Thị Hồng Tường	2	1	5	7,8,9	502	23/09/2024-29/11/2024	
10	13_ĐH_QLĐĐ1	121115010	Triết học Mác - Lênin	ThS Lê Thị Thanh Thúy	3	0	5	7,8,9	509	23/09/2024-29/11/2024	
		121115010	Triết học Mác - Lênin	ThS Lê Thị Thanh Thúy	3	0	3	4,5,6	509	23/09/2024-25/10/2024	
		121115015	Pháp luật đại cương	ThS. Võ Đình Quyên Di	2	0	5	10,11,12	509	23/09/2024-29/11/2024	
		111315006	Anh văn 1	ThS. Hồ Thị Lài	3	0	2	1,2,3	509	23/09/2024-29/11/2024	
		111315006	Anh văn 1	ThS. Hồ Thị Lài	3	0	3	1,2,3	402	28/10/2024-29/11/2024	
		111115008	Toán cao cấp 1	ThS. Huỳnh Đăng Nguyên	2	0	4	4,5,6	608	23/09/2024-29/11/2024	
		121115011	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	ThS Trần Thị Liên + TS.GVC Nguyễn Thị Hồng Hoa	2	0	3	4,5,6	509	28/10/2024-29/11/2024	
		121115011	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	ThS Trần Thị Liên + TS.GVC Nguyễn Thị Hồng Hoa	2	0	5	4,5,6	610	04/11/2024-06/12/2024	
11	13_ĐH_QLĐĐ2	121115010	Triết học Mác - Lênin	ThS Lê Thị Thanh Thúy	3	0	5	7,8,9	509	23/09/2024-29/11/2024	
		121115010	Triết học Mác - Lênin	ThS Lê Thị Thanh Thúy	3	0	3	4,5,6	509	23/09/2024-25/10/2024	
		121115015	Pháp luật đại cương	ThS. Võ Đình Quyên Di	2	0	5	10,11,12	509	23/09/2024-29/11/2024	
		111315006	Anh văn 1	ThS. Hồ Thị Lài	3	0	3	1,2,3	402	23/09/2024-25/10/2024	
		111315006	Anh văn 1	ThS. Hồ Thị Lài	3	0	2	4,5,6	610	23/09/2024-29/11/2024	
		111115008	Toán cao cấp 1	ThS. Huỳnh Đăng Nguyên	2	0	2	7,8,9	509	23/09/2024-29/11/2024	
		121115011	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	ThS Trần Thị Liên + TS.GVC Nguyễn Thị Hồng Hoa	2	0	3	4,5,6	509	28/10/2024-29/11/2024	
		121115011	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	ThS Trần Thị Liên + TS.GVC Nguyễn Thị Hồng Hoa	2	0	5	4,5,6	610	04/11/2024-06/12/2024	
12	13_ĐH_QLĐĐ3	121115010	Triết học Mác - Lênin	ThS Lê Thị Thanh Thúy	3	0	3	10,11,12	409	23/09/2024-25/10/2024	
		121115010	Triết học Mác - Lênin	ThS Lê Thị Thanh Thúy	3	0	5	10,11,12	409	23/09/2024-29/11/2024	
		121115015	Pháp luật đại cương	ThS. Võ Đình Quyên Di	2	0	5	1,2,3	409	23/09/2024-29/11/2024	
		111315006	Anh văn 1	ThS. Hồ Thị Lài	3	0	3	4,5,6	402	23/09/2024-29/11/2024	
		111315006	Anh văn 1	ThS. Hồ Thị Lài	3	0	2	7,8,9	503	28/10/2024-29/11/2024	
		111115008	Toán cao cấp 1	ThS. Nguyễn An Giang	2	0	5	4,5,6	509	23/09/2024-29/11/2024	
		121115012	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	ThS Trần Thị Liên + ThS.NCS Phạm Hữu Thanh Nhã	2	0	3	10,11,12	409	28/10/2024-29/11/2024	
		121115012	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	ThS Trần Thị Liên + ThS.NCS Phạm Hữu Thanh Nhã	2	0	6	4,5,6	509	04/11/2024-06/12/2024	
13	13_ĐH_QLĐĐ4	121115010	Triết học Mác - Lênin	ThS Lê Thị Thanh Thúy	3	0	3	10,11,12	409	23/09/2024-25/10/2024	
		121115010	Triết học Mác - Lênin	ThS Lê Thị Thanh Thúy	3	0	5	10,11,12	409	23/09/2024-29/11/2024	
		121115015	Pháp luật đại cương	ThS. Võ Đình Quyên Di	2	0	5	1,2,3	409	23/09/2024-29/11/2024	
		111315006	Anh văn 1	ThS. Hồ Thị Lài	3	0	2	7,8,9	503	23/09/2024-25/10/2024	
		111315006	Anh văn 1	ThS. Hồ Thị Lài	3	0	3	7,8,9	403	23/09/2024-29/11/2024	
		111115008	Toán cao cấp 1	ThS. Nguyễn An Giang	2	0	5	4,5,6	509	23/09/2024-29/11/2024	
		121115012	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	ThS Trần Thị Liên + ThS.NCS Phạm Hữu Thanh Nhã	2	0	3	10,11,12	409	28/10/2024-29/11/2024	
		121115012	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	ThS Trần Thị Liên + ThS.NCS Phạm Hữu Thanh Nhã	2	0	6	4,5,6	509	04/11/2024-06/12/2024	

STT	Lớp	Mã môn học	Môn học	Giảng viên	Số TC (LT)	Số TC (TH)	Thứ	Tiết	Phòng	Thời gian	Ghi chú
14	13_ĐH_QLĐĐ5	121115010	Triết học Mác - Lênin	ThS Lê Thị Thanh Thúy	3	0	5	4,5,6	409	23/09/2024-29/11/2024	
		121115010	Triết học Mác - Lênin	ThS Lê Thị Thanh Thúy	3	0	3	7,8,9	509	23/09/2024-25/10/2024	
		121115015	Pháp luật đại cương	ThS. Võ Đình Quyên Di	2	0	5	7,8,9	409	23/09/2024-29/11/2024	
		111315006	Anh văn 1	ThS. Nguyễn Thị Tuyến	3	0	2	1,2,3	610	28/10/2024-29/11/2024	
		111315006	Anh văn 1	ThS. Nguyễn Thị Tuyến	3	0	4	7,8,9	401	23/09/2024-29/11/2024	
		111115008	Toán cao cấp 1	ThS. Nguyễn An Giang	2	0	4	4,5,6	509	23/09/2024-29/11/2024	
		121115013	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	ThS Trần Thị Liên + ThS.Lê Thị Thanh Thúy	2	0	3	7,8,9	509	28/10/2024-29/11/2024	
		121115013	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	ThS Trần Thị Liên + ThS.Lê Thị Thanh Thúy	2	0	6	7,8,9	509	04/11/2024-06/12/2024	
15	13_ĐH_QLĐĐ6	121115010	Triết học Mác - Lênin	ThS Lê Thị Thanh Thúy	3	0	5	4,5,6	409	23/09/2024-29/11/2024	
		121115010	Triết học Mác - Lênin	ThS Lê Thị Thanh Thúy	3	0	3	7,8,9	509	23/09/2024-25/10/2024	
		121115015	Pháp luật đại cương	ThS. Võ Đình Quyên Di	2	0	5	7,8,9	409	23/09/2024-29/11/2024	
		111315006	Anh văn 1	ThS. Nguyễn Thị Tuyến	3	0	2	4,5,6	502	23/09/2024-29/11/2024	
		111315006	Anh văn 1	ThS. Nguyễn Thị Tuyến	3	0	4	1,2,3	503	28/10/2024-29/11/2024	
		111115008	Toán cao cấp 1	ThS. Nguyễn An Giang	2	0	4	4,5,6	509	23/09/2024-29/11/2024	
		121115013	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	ThS Trần Thị Liên + ThS.Lê Thị Thanh Thúy	2	0	3	7,8,9	509	28/10/2024-29/11/2024	
		121115013	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	ThS Trần Thị Liên + ThS.Lê Thị Thanh Thúy	2	0	6	7,8,9	509	04/11/2024-06/12/2024	
16	13_ĐH_QLTN1	111315006	Anh văn 1	ThS. Tô Thị Lệ	3	0	3	4,5,6	401	23/09/2024-25/10/2024	
		111315006	Anh văn 1	ThS. Tô Thị Lệ	3	0	6	4,5,6	504	23/09/2024-29/11/2024	
		111215009	Cơ - Nhiệt	ThS. Nguyễn Thanh Hằng	2	0	3	7,8,9	609	23/09/2024-29/11/2024	
		111215004	Hóa học đại cương	ThS.Nguyễn Thành Đức	2	0	4	7,8,9	509	23/09/2024-29/11/2024	
		111115008	Toán cao cấp 1	ThS. Nguyễn An Giang	2	0	4	1,2,3	609	23/09/2024-29/11/2024	
		140115003	Cơ sở khoa học môi trường	Th.S Nguyễn Thanh Ngân	2	0	5	10,11,12	403	23/09/2024-29/11/2024	
		140315232	Vẽ kỹ thuật chuyên ngành	Ths Nguyễn Ngọc Thiệp	1	1	2	7,8,9, 10,11,12	505	28/10/2024-29/11/2024	
		140315232	Vẽ kỹ thuật chuyên ngành	Ths Nguyễn Ngọc Thiệp	1	1	5	7,8,9	610	23/09/2024-25/10/2024	
		140115004	Sinh thái học	Th.S Trần Thị Bích Phượng	2	0	6	7,8,9	504	23/09/2024-29/11/2024	
17	13_ĐH_QLTN2	111315006	Anh văn 1	ThS. Tô Thị Lệ	3	0	2	1,2,3	402	23/09/2024-25/10/2024	
		111315006	Anh văn 1	ThS. Tô Thị Lệ	3	0	4	4,5,6	505	23/09/2024-29/11/2024	
		111215009	Cơ - Nhiệt	ThS. Nguyễn Thanh Hằng	2	0	3	7,8,9	609	23/09/2024-29/11/2024	
		111215004	Hóa học đại cương	ThS.Nguyễn Thành Đức	2	0	4	7,8,9	509	23/09/2024-29/11/2024	
		111115008	Toán cao cấp 1	ThS. Nguyễn An Giang	2	0	4	1,2,3	609	23/09/2024-29/11/2024	
		140115003	Cơ sở khoa học môi trường	Th.S Lê Bảo Việt	2	0	3	4,5,6	502	23/09/2024-29/11/2024	
		140315232	Vẽ kỹ thuật chuyên ngành	ThS Trần Anh Khoa+ TS. Đỗ Đức Thiện	1	1	2	7,8,9	403	23/09/2024-25/10/2024	
		140315232	Vẽ kỹ thuật chuyên ngành	ThS Trần Anh Khoa+ TS. Đỗ Đức Thiện	1	1	2	7,8,9, 10,11,12	403	28/10/2024-29/11/2024	
		140115004	Sinh thái học	Th.S Trần Thị Bích Phượng	2	0	6	4,5,6	610	23/09/2024-29/11/2024	
		111315006	Anh văn 1	ThS. Tô Thị Lệ	3	0	2	4,5,6	504	23/09/2024-25/10/2024	
		111315006	Anh văn 1	ThS. Tô Thị Lệ	3	0	4	1,2,3	402	23/09/2024-29/11/2024	
		111215009	Cơ - Nhiệt	ThS. Nguyễn Thanh Hằng	2	0	3	4,5,6	409	23/09/2024-29/11/2024	

STT	Lớp	Mã môn học	Môn học	Giảng viên	Số TC (LT)	Số TC (TH)	Thứ	Tiết	Phòng	Thời gian	Ghi chú
18	13_ĐH_QLTN3	111215004	Hóa học đại cương	ThS.Nguyễn Thị Thúy Hằng	2	0	5	1,2,3	609	23/09/2024-29/11/2024	
		111115008	Toán cao cấp 1	ThS. Nguyễn Thị Hằng	2	0	6	7,8,9	409	23/09/2024-29/11/2024	
		140115003	Cơ sở khoa học môi trường	Th.S Nguyễn Thanh Ngân	2	0	5	4,5,6	610	23/09/2024-25/10/2024	
		140115003	Cơ sở khoa học môi trường	Th.S Nguyễn Thanh Ngân	2	0	5	4,5,6	404	28/10/2024-29/11/2024	
		140315232	Vẽ kỹ thuật chuyên ngành	ThS Trần Anh Khoa+ TS. Đỗ Đức Thiện	1	1	4	7,8,9	402	23/09/2024-25/10/2024	
		140315232	Vẽ kỹ thuật chuyên ngành	ThS Trần Anh Khoa+ TS. Đỗ Đức Thiện	1	1	4	7,8,9, 10,11,12	402	28/10/2024-29/11/2024	
		140115004	Sinh thái học	Th.S Lê Thị Hồng Tuyết	2	0	4	4,5,6	402	23/09/2024-29/11/2024	
19	13_ĐH_QLTN4	111315006	Anh văn 1	ThS. Tô Thị Lệ	3	0	6	1,2,3	409	23/09/2024-29/11/2024	
		111315006	Anh văn 1	ThS. Tô Thị Lệ	3	0	3	1,2,3	404	23/09/2024-25/10/2024	
		111215009	Cơ - Nhiệt	ThS. Nguyễn Thanh Hằng	2	0	3	4,5,6	409	23/09/2024-29/11/2024	
		111215004	Hóa học đại cương	ThS.Nguyễn Thị Thúy Hằng	2	0	5	1,2,3	609	23/09/2024-29/11/2024	
		111115008	Toán cao cấp 1	ThS. Nguyễn Thị Hằng	2	0	6	7,8,9	409	23/09/2024-29/11/2024	
		140115003	Cơ sở khoa học môi trường	TS. Nguyễn Thị Phương Lệ Chi	2	0	2	1,2,3	401	23/09/2024-29/11/2024	
		140315232	Vẽ kỹ thuật chuyên ngành	TS. Đỗ Hải Sâm+ ThS Trần Anh Khoa	1	1	3	7,8,9	401	23/09/2024-25/10/2024	
		140315232	Vẽ kỹ thuật chuyên ngành	TS. Đỗ Hải Sâm+ ThS Trần Anh Khoa	1	1	3	7,8,9, 10,11,12	401	28/10/2024-29/11/2024	
		140115004	Sinh thái học	Th.S Trần Thị Bích Phượng	2	0	6	10,11,12	402	23/09/2024-29/11/2024	
20	13_ĐH_QTKD1	111315006	Anh văn 1	ThS. Lại Hoài Châu+ThS. Nguyễn Lương Tuấn Dũng	3	0	6	7,8,9	503	23/09/2024-25/10/2024	
		111315006	Anh văn 1	ThS. Lại Hoài Châu+ThS. Nguyễn Lương Tuấn Dũng	3	0	2	4,5,6	401	23/09/2024-29/11/2024	
		111115008	Toán cao cấp 1	ThS. Nguyễn Thị Hằng	2	0	4	7,8,9	610	23/09/2024-29/11/2024	
		180215001	Kinh tế vi mô	ThS. Trần Huy Khôi	3	0	6	10,11,12	505	23/09/2024-25/10/2024	
		180215001	Kinh tế vi mô	ThS. Trần Huy Khôi	3	0	4	4,5,6	404	23/09/2024-29/11/2024	
		180115096	Quản trị học	ThS. Hoàng Thị Vân+ CN. Thành Ngọc Mỹ Duyên	3	0	2	7,8,9	401	23/09/2024-29/11/2024	
		180115096	Quản trị học	ThS. Hoàng Thị Vân+ CN. Thành Ngọc Mỹ Duyên	3	0	5	7,8,9	403	23/09/2024-25/10/2024	
		180215041	Kinh tế biến đổi khí hậu	ThS. Sử Thị Oanh Hoa+ ThS. Trần Huy Khôi	2	0	2	1,2,3	609	23/09/2024-29/11/2024	
		180115021	Kỹ năng thuyết trình và làm việc nhóm	ThS. Trần Thị Lệ Hoa	2	0	5	4,5,6	501	23/09/2024-29/11/2024	
21	13_ĐH_QTKD2	111315006	Anh văn 1	ThS. Lại Hoài Châu+ThS. Nguyễn Lương Tuấn Dũng	3	0	4	4,5,6	401	23/09/2024-29/11/2024	
		111315006	Anh văn 1	ThS. Lại Hoài Châu+ThS. Nguyễn Lương Tuấn Dũng	3	0	2	7,8,9	504	23/09/2024-29/11/2024	
		111115008	Toán cao cấp 1	ThS. Nguyễn Thị Hằng	2	0	4	7,8,9	610	23/09/2024-29/11/2024	
		180215001	Kinh tế vi mô	ThS. Nguyễn Hồng Sơn	3	0	6	1,2,3	609	23/09/2024-25/10/2024	
		180215001	Kinh tế vi mô	ThS. Nguyễn Hồng Sơn	3	0	5	4,5,6	506	23/09/2024-29/11/2024	
		180115096	Quản trị học	ThS. Hoàng Thị Vân+ CN. Thành Ngọc Mỹ Duyên	3	0	2	4,5,6	506	23/09/2024-29/11/2024	

STT	Lớp	Mã môn học	Môn học	Giảng viên	Số TC (LT)	Số TC (TH)	Thứ	Tiết	Phòng	Thời gian	Ghi chú
		180115096	Quản trị học	ThS. Hoàng Thị Vân+ CN. Thành Ngọc Mỹ Duyên	3	0	3	7,8,9	503	23/09/2024-25/10/2024	
		180215041	Kinh tế biến đổi khí hậu	ThS. Sử Thị Oanh Hoa+ ThS. Trần Huy Khôi	2	0	2	1,2,3	609	23/09/2024-29/11/2024	
		180115021	Kỹ năng thuyết trình và làm việc nhóm	ThS. Trần Thị Lệ Hoa	2	0	5	1,2,3	501	23/09/2024-29/11/2024	
22	13_ĐH_QTKD3	111315006	Anh văn 1	ThS. Lại Hoài Châu+ThS. Nguyễn Lương Tuấn Dũng	3	0	6	4,5,6	505	23/09/2024-25/10/2024	
		111315006	Anh văn 1	ThS. Lại Hoài Châu+ThS. Nguyễn Lương Tuấn Dũng	3	0	4	7,8,9	506	23/09/2024-25/10/2024	
		111115008	Toán cao cấp 1	ThS. Nguyễn Thị Hằng	2	0	3	7,8,9	608	23/09/2024-29/11/2024	
		180215001	Kinh tế vi mô	ThS. Nguyễn Hồng Sơn	3	0	5	7,8,9	501	23/09/2024-29/11/2024	
		180215001	Kinh tế vi mô	ThS. Nguyễn Hồng Sơn	3	0	4	10,11,12	404	23/09/2024-25/10/2024	
		180115096	Quản trị học	ThS. Hoàng Thị Vân+ CN. Thành Ngọc Mỹ Duyên	3	0	2	1,2,3	501	23/09/2024-25/10/2024	
		180115096	Quản trị học	ThS. Hoàng Thị Vân+ CN. Thành Ngọc Mỹ Duyên	3	0	3	10,11,12	505	23/09/2024-29/11/2024	
		180215041	Kinh tế biến đổi khí hậu	ThS. Sử Thị Oanh Hoa+ ThS. Trần Huy Khôi	2	0	2	4,5,6	409	23/09/2024-29/11/2024	
		180115021	Kỹ năng thuyết trình và làm việc nhóm	TS. Trần Thanh Tâm	2	0	5	10,11,12	503	23/09/2024-29/11/2024	
23	13_ĐH_QTKD4	111315006	Anh văn 1	ThS. Nguyễn Thị Tuyến	3	0	4	1,2,3	503	23/09/2024-25/10/2024	
		111315006	Anh văn 1	ThS. Nguyễn Thị Tuyến	3	0	2	7,8,9	502	23/09/2024-29/11/2024	
		111115008	Toán cao cấp 1	ThS. Nguyễn Thị Hằng	2	0	3	7,8,9	608	23/09/2024-29/11/2024	
		180215001	Kinh tế vi mô	ThS. Trần Huy Khôi	3	0	5	10,11,12	501	23/09/2024-25/10/2024	
		180215001	Kinh tế vi mô	ThS. Trần Huy Khôi	3	0	4	7,8,9	503	23/09/2024-29/11/2024	
		180115096	Quản trị học	ThS. Hoàng Thị Vân+ CN. Thành Ngọc Mỹ Duyên	3	0	5	4,5,6	505	23/09/2024-29/11/2024	
		180115096	Quản trị học	ThS. Hoàng Thị Vân+ CN. Thành Ngọc Mỹ Duyên	3	0	2	1,2,3	501	28/10/2024-29/11/2024	
		180215041	Kinh tế biến đổi khí hậu	ThS. Sử Thị Oanh Hoa+ ThS. Trần Huy Khôi	2	0	2	4,5,6	409	23/09/2024-29/11/2024	
		180115021	Kỹ năng thuyết trình và làm việc nhóm	ThS. Trần Thị Lệ Hoa	2	0	5	7,8,9	503	23/09/2024-29/11/2024	
24	13_ĐH_QTKD5	111315006	Anh văn 1	Trần Nguyễn Thị Nhất Vương	3	0	5	1,2,3	506	23/09/2024-29/11/2024	
		111315006	Anh văn 1	Trần Nguyễn Thị Nhất Vương	3	0	3	10,11,12	404	23/09/2024-25/10/2024	
		111115008	Toán cao cấp 1	ThS. Nguyễn Thị Hằng	2	0	5	7,8,9	610	23/09/2024-29/11/2024	
		180215001	Kinh tế vi mô	ThS. Lê Thị Xoan	3	0	6	7,8,9	502	23/09/2024-29/11/2024	
		180215001	Kinh tế vi mô	ThS. Lê Thị Xoan	3	0	2	4,5,6	501	23/09/2024-25/10/2024	
		180115096	Quản trị học	ThS. Hoàng Thị Vân+ CN. Thành Ngọc Mỹ Duyên	3	0	5	10,11,12	504	23/09/2024-25/10/2024	
		180115096	Quản trị học	ThS. Hoàng Thị Vân+ CN. Thành Ngọc Mỹ Duyên	3	0	2	10,11,12	403	23/09/2024-29/11/2024	
		180215041	Kinh tế biến đổi khí hậu	ThS. Sử Thị Oanh Hoa+ ThS. Trần Huy Khôi	2	0	2	7,8,9	509	23/09/2024-29/11/2024	
		180115021	Kỹ năng thuyết trình và làm việc nhóm	TS. Trần Thanh Tâm	2	0	3	7,8,9	404	23/09/2024-29/11/2024	
		111315006	Anh văn 1	Trần Nguyễn Thị Nhất Vương	3	0	3	10,11,12	404	28/10/2024-29/11/2024	

STT	Lớp	Mã môn học	Môn học	Giảng viên	Số TC (LT)	Số TC (TH)	Thứ	Tiết	Phòng	Thời gian	Ghi chú
25	13_ĐH_QTKD6	111315006	Anh văn 1	Trần Nguyễn Thị Nhất Vương	3	0	5	4,5,6	503	23/09/2024-29/11/2024	
		111115008	Toán cao cấp 1	ThS. Nguyễn Thị Hằng	2	0	5	7,8,9	610	23/09/2024-29/11/2024	
		180215001	Kinh tế vi mô	ThS. Lê Thị Xoan	3	0	3	7,8,9	502	23/09/2024-25/10/2024	
		180215001	Kinh tế vi mô	ThS. Lê Thị Xoan	3	0	6	4,5,6	409	23/09/2024-29/11/2024	
		180115096	Quản trị học	ThS. Hoàng Thị Vân+ CN. Thành Ngọc Mỹ Duyên	3	0	5	1,2,3	404	23/09/2024-29/11/2024	
		180115096	Quản trị học	ThS. Hoàng Thị Vân+ CN. Thành Ngọc Mỹ Duyên	3	0	3	4,5,6	503	23/09/2024-25/10/2024	
		180215041	Kinh tế biến đổi khí hậu	ThS. Sử Thị Oanh Hoa+ ThS. Trần Huy Khôi	2	0	2	7,8,9	509	23/09/2024-29/11/2024	
		180115021	Kỹ năng thuyết trình và làm việc nhóm	TS. Trần Thanh Tâm	2	0	2	4,5,6	402	23/09/2024-29/11/2024	
26	13_ĐH_KTTN	121115010	Triết học Mác - Lênin	TS.GVC Nguyễn Thị Hồng Hoa+ ThS Trần Thị Liên	3	0	3	4,5,6	609	23/09/2024-25/10/2024	
		121115010	Triết học Mác - Lênin	TS.GVC Nguyễn Thị Hồng Hoa+ ThS Trần Thị Liên	3	0	2	7,8,9	409	23/09/2024-29/11/2024	
		121115015	Pháp luật đại cương	ThS. Vũ Thị Hạnh Thu	2	0	5	7,8,9	404	23/09/2024-29/11/2024	
		111315006	Anh văn 1	ThS. Nguyễn Thị Tuyến	3	0	4	4,5,6	403	23/09/2024-29/11/2024	
		111315006	Anh văn 1	ThS. Nguyễn Thị Tuyến	3	0	2	1,2,3	610	23/09/2024-25/10/2024	
		111115008	Toán cao cấp 1	ThS. Huỳnh Đăng Nguyên	2	0	6	7,8,9	610	23/09/2024-29/11/2024	
		180215001	Kinh tế vi mô	ThS. Lê Thị Xoan	3	0	6	10,11,12	401	23/09/2024-29/11/2024	
		180215001	Kinh tế vi mô	ThS. Lê Thị Xoan	3	0	2	10,11,12	502	23/09/2024-25/10/2024	
		180115002	Tâm lý học quả trị	ThS. Trần Huy Khôi	2	0	4	1,2,3	504	23/09/2024-29/11/2024	
27	13_ĐH_MT	111315006	Anh văn 1	ThS. Nguyễn Ngọc Thùy	3	0	6	1,2,3	403	23/09/2024-25/10/2024	
		111315006	Anh văn 1	ThS. Nguyễn Ngọc Thùy	3	0	5	4,5,6	401	23/09/2024-29/11/2024	
		111215009	Cơ - Nhiệt	TS. Trần Bá Lê Hoàng	2	0	2	7,8,9	609	23/09/2024-29/11/2024	
		111215004	Hóa học đại cương	ThS.Nguyễn Thành Đức	2	0	4	10,11,12	409	23/09/2024-29/11/2024	
		111115008	Toán cao cấp 1	ThS. Huỳnh Đăng Nguyên	2	0	6	7,8,9	610	23/09/2024-29/11/2024	
		140115003	Cơ sở khoa học môi trường	Th.S Lê Bảo Việt	2	0	5	1,2,3	401	23/09/2024-29/11/2024	
		140415001	Hóa học phân tích định lượng	ThS Đàm Thị Minh Tâm	2	0	2	10,11,12	506	23/09/2024-29/11/2024	
		140415002	Thực hành Hóa học phân tích định lượng	ThS Đàm Thị Minh Tâm	0	1	3	1,2,3, 4,5,6	PTN Môi trường	28/10/2024-29/11/2024	Học tại Trụ sở
28	13_ĐH_QLĐT	111315006	Anh văn 1	Nguyễn Thị Thu Hương	3	0	3	7,8,9	504	23/09/2024-25/10/2024	
		111315006	Anh văn 1	Nguyễn Thị Thu Hương	3	0	5	4,5,6	402	23/09/2024-29/11/2024	
		111215009	Cơ - Nhiệt	TS. Trần Bá Lê Hoàng	2	0	2	1,2,3	409	23/09/2024-29/11/2024	
		111115008	Toán cao cấp 1	ThS. Huỳnh Đăng Nguyên	2	0	2	7,8,9	608	23/09/2024-29/11/2024	
		111115011	Xác suất thống kê	ThS. Dương Thị Xuân An	2	0	6	4,5,6	401	23/09/2024-29/11/2024	
		140115113	Môi trường và bảo vệ môi trường	TS. Nguyễn Thị Phương Lệ Chi	2	0	2	4,5,6	403	23/09/2024-29/11/2024	
29	13_ĐH_TĐ1	121115015	Pháp luật đại cương	ThS. Vũ Thị Hạnh Thu	2	0	5	10,11,12	610	23/09/2024-29/11/2024	
		111315006	Anh văn 1	ThS. Nguyễn Ngọc Thùy	3	0	2	7,8,9	402	23/09/2024-25/10/2024	
		111315006	Anh văn 1	ThS. Nguyễn Ngọc Thùy	3	0	3	4,5,6	501	23/09/2024-29/11/2024	
		111115008	Toán cao cấp 1	ThS. Dương Thị Xuân An	2	0	3	10,11,12	509	23/09/2024-29/11/2024	
		160115003	Nhập môn Trắc địa bản đồ	PGS. TS. Lê Trung Chơn	2	0	5	1,2,3	504	23/09/2024-29/11/2024	
		160115004	Phương pháp học đại học	ThS. Nguyễn Thị Hải Yến	2	0	6	7,8,9	403	23/09/2024-29/11/2024	

STT	Lớp	Mã môn học	Môn học	Giảng viên	Số TC (LT)	Số TC (TH)	Thứ	Tiết	Phòng	Thời gian	Ghi chú
		190115008	Địa mạo	ThS. Trần Đức Dậu	2	0	6	4,5,6	503	23/09/2024-29/11/2024	
30	13_ĐH_TĐ2	121115015	Pháp luật đại cương	ThS. Vũ Thị Hạnh Thu	2	0	5	10,11,12	610	23/09/2024-29/11/2024	
		111315006	Anh văn 1	ThS. Nguyễn Ngọc Thùy	3	0	3	7,8,9	505	23/09/2024-29/11/2024	
		111315006	Anh văn 1	ThS. Nguyễn Ngọc Thùy	3	0	6	4,5,6	501	23/09/2024-25/10/2024	
		111115008	Toán cao cấp 1	ThS. Dương Thị Xuân An	2	0	3	10,11,12	509	23/09/2024-29/11/2024	
		160115003	Nhập môn Trắc địa bản đồ	PGS. TS. Lê Trung Chơn	2	0	5	4,5,6	403	23/09/2024-29/11/2024	
		160115004	Phương pháp học đại học	ThS. Mai Thị Duyên	2	0	6	7,8,9	401	23/09/2024-29/11/2024	
		190115008	Địa mạo	ThS. Trần Đức Dậu	2	0	6	1,2,3	501	23/09/2024-29/11/2024	
31	13_ĐH_CTN	121115010	Triết học Mác - Lênin	TS.GVC Nguyễn Thị Hồng Hoa+ ThS Trần Thị Liên	3	0	2	4,5,6	609	23/09/2024-29/11/2024	
		121115010	Triết học Mác - Lênin	TS.GVC Nguyễn Thị Hồng Hoa+ ThS Trần Thị Liên	3	0	3	7,8,9	409	23/09/2024-25/10/2024	
		111315006	Anh văn 1	ThS. Lại Hoài Châu+ThS. Nguyễn Lương Tuấn Dũng	3	0	4	7,8,9	502	23/09/2024-29/11/2024	
		111315006	Anh văn 1	ThS. Lại Hoài Châu+ThS. Nguyễn Lương Tuấn Dũng	3	0	5	1,2,3	503	23/09/2024-25/10/2024	
		111215004	Hóa học đại cương	ThS.Nguyễn Thành Đức	2	0	4	10,11,12	409	23/09/2024-29/11/2024	
		111115008	Toán cao cấp 1	ThS. Huỳnh Đăng Nguyên	2	0	4	4,5,6	409	23/09/2024-29/11/2024	
		140315002	Hình họa vẽ kỹ thuật	Ths Trần Anh Khoa	3	0	3	4,5,6	403	23/09/2024-29/11/2024	
		140315002	Hình họa vẽ kỹ thuật	Ths Trần Anh Khoa	3	0	2	1,2,3	403	23/09/2024-25/10/2024	
		140315001	Nhập môn ngành Cấp thoát nước	TS. Nguyễn Huy Cương+ Ths Nguyễn Ngọc Thiệp	2	0	6	4,5,6	403	23/09/2024-29/11/2024	
		111215005	Thí nghiệm hóa đại cương	ThS. Huỳnh Thị Minh Sương	0	1	2,4,6	1,2,3, 4,5,6	PTN Hóa	02/12/2024-13/12/2024	Học tại Trụ sở
		140315003	Tham quan nhận thức	BM CTN	0	1				23/09/2024-29/11/2024	
32	13_ĐH_CNVL	121115010	Triết học Mác - Lênin	TS.GVC Nguyễn Thị Hồng Hoa+ ThS Trần Thị Liên	3	0	3	4,5,6	609	23/09/2024-25/10/2024	
		121115010	Triết học Mác - Lênin	TS.GVC Nguyễn Thị Hồng Hoa+ ThS Trần Thị Liên	3	0	2	7,8,9	409	23/09/2024-29/11/2024	
		111315006	Anh văn 1	ThS. Lại Hoài Châu+ThS. Nguyễn Lương Tuấn Dũng	3	0	4	1,2,3	501	23/09/2024-29/11/2024	
		111315006	Anh văn 1	ThS. Lại Hoài Châu+ThS. Nguyễn Lương Tuấn Dũng	3	0	3	7,8,9	506	23/09/2024-25/10/2024	
		111215009	Cơ - Nhiệt	TS. Trần Bá Lê Hoàng	2	0	2	1,2,3	409	23/09/2024-29/11/2024	
		111215004	Hóa học đại cương	ThS.Nguyễn Thành Đức+ ThS.Nguyễn Thị Thúy Hằng	2	0	4	4,5,6	610	23/09/2024-29/11/2024	
		111115008	Toán cao cấp 1	ThS. Huỳnh Đăng Nguyên	2	0	5	7,8,9	608	23/09/2024-29/11/2024	
		111215005	Thí nghiệm hóa đại cương	ThS.Nguyễn Thành Đức	0	1	6	1,2,3, 4,5,6	PTN Hóa	28/10/2024-29/11/2024	Học tại Trụ sở
		121115010	Triết học Mác - Lênin	TS.GVC Nguyễn Thị Hồng Hoa+ ThS Trần Thị Liên	3	0	3	4,5,6	609	23/09/2024-25/10/2024	
		121115010	Triết học Mác - Lênin	TS.GVC Nguyễn Thị Hồng Hoa+ ThS Trần Thị Liên	3	0	2	7,8,9	409	23/09/2024-29/11/2024	

STT	Lớp	Mã môn học	Môn học	Giảng viên	Số TC (LT)	Số TC (TH)	Thứ	Tiết	Phòng	Thời gian	Ghi chú
33	13_ĐH_CNHH	111315006	Anh văn 1	ThS. Lại Hoài Châu+ThS. Nguyễn Lương Tuấn Dũng	3	0	4	1,2,3	501	23/09/2024-29/11/2024	
		111315006	Anh văn 1	ThS. Lại Hoài Châu+ThS. Nguyễn Lương Tuấn Dũng	3	0	3	7,8,9	506	23/09/2024-25/10/2024	
		111215009	Cơ - Nhiệt	TS. Trần Bá Lê Hoàng	2	0	2	1,2,3	409	23/09/2024-29/11/2024	
		111215004	Hóa học đại cương	ThS.Nguyễn Thành Đức+ ThS.Nguyễn Thị Thúy Hằng	2	0	4	4,5,6	610	23/09/2024-29/11/2024	
		111115008	Toán cao cấp 1	ThS. Huỳnh Đăng Nguyên	2	0	5	7,8,9	608	23/09/2024-29/11/2024	
		111215005	Thí nghiệm hóa đại cương	ThS.Nguyễn Thành Đức+ ThS.Nguyễn Thị Thúy Hằng	0	1	6	7,8,9, 10,11,12	PTN Hóa	28/10/2024-29/11/2024	Học tại Trụ sở
34	13_ĐH_THTNN	111315006	Anh văn 1	ThS. Nguyễn Ngọc Thùy	3	0	6	1,2,3	403	23/09/2024-25/10/2024	
		111315006	Anh văn 1	ThS. Nguyễn Ngọc Thùy	3	0	5	4,5,6	401	23/09/2024-29/11/2024	
		121115010	Triết học Mác - Lênin	TS.GVC Nguyễn Thị Hồng Hoa+ ThS Trần Thị Liên	3	0	2	4,5,6	609	23/09/2024-29/11/2024	
		121115010	Triết học Mác - Lênin	TS.GVC Nguyễn Thị Hồng Hoa+ ThS Trần Thị Liên	3	0	3	7,8,9	409	23/09/2024-25/10/2024	
		111215009	Cơ - Nhiệt	TS. Trần Bá Lê Hoàng	2	0	2	7,8,9	609	23/09/2024-29/11/2024	
		111115008	Toán cao cấp 1	ThS. Huỳnh Đăng Nguyên	2	0	5	7,8,9	608	23/09/2024-29/11/2024	
		221215001	Cơ học ứng dụng	ThS. Lê Ngọc Diệp	2	0	4	4,5,6	501	23/09/2024-29/11/2024	
		190116241	Khoa học trái đất	ThS. Nguyễn Thị Thanh Hoa+ TS. Cấn Thu Văn	2	0	3	10,11,12	610	23/09/2024-29/11/2024	
35	13_ĐH_BĐKH	111315006	Anh văn 1	ThS. Lại Hoài Châu+ThS. Nguyễn Lương Tuấn Dũng	3	0	4	7,8,9	502	23/09/2024-29/11/2024	
		111315006	Anh văn 1	ThS. Lại Hoài Châu+ThS. Nguyễn Lương Tuấn Dũng	3	0	5	1,2,3	503	23/09/2024-25/10/2024	
		111215009	Cơ - Nhiệt	TS. Trần Bá Lê Hoàng	2	0	2	7,8,9	609	23/09/2024-29/11/2024	
		111215004	Hóa học đại cương	ThS.Nguyễn Thành Đức+ ThS.Nguyễn Thị Thúy Hằng	2	0	4	4,5,6	610	23/09/2024-29/11/2024	
		111115008	Toán cao cấp 1	ThS. Huỳnh Đăng Nguyên	2	0	5	7,8,9	608	23/09/2024-29/11/2024	
		190116241	Khoa học trái đất	ThS. Nguyễn Thị Thanh Hoa+ TS. Cấn Thu Văn	2	0	3	10,11,12	610	23/09/2024-29/11/2024	
		111215005	Thí nghiệm hóa đại cương	ThS. Huỳnh Thị Minh Sương	0	1	2,4,6	1,2,3, 4,5,6	PTN Hóa	02/12/2024-13/12/2024	Học tại Trụ sở
36	13_ĐH_ĐC	111315006	Anh văn 1	ThS. Lại Hoài Châu+ThS. Nguyễn Lương Tuấn Dũng	3	0	4	7,8,9	502	23/09/2024-29/11/2024	
		111315006	Anh văn 1	ThS. Lại Hoài Châu+ThS. Nguyễn Lương Tuấn Dũng	3	0	5	1,2,3	503	23/09/2024-25/10/2024	
		111215009	Cơ - Nhiệt	TS. Trần Bá Lê Hoàng	2	0	2	1,2,3	409	23/09/2024-29/11/2024	
		111215004	Hóa học đại cương	ThS.Nguyễn Thành Đức+ ThS.Nguyễn Thị Thúy Hằng	2	0	4	4,5,6	610	23/09/2024-29/11/2024	
		111115008	Toán cao cấp 1	ThS. Huỳnh Đăng Nguyên	2	0	5	7,8,9	608	23/09/2024-29/11/2024	
		190116241	Khoa học trái đất	ThS. Nguyễn Thị Thanh Hoa+ TS. Cấn Thu Văn	2	0	3	10,11,12	610	23/09/2024-29/11/2024	
		190116001	Địa chất cơ sở	PGS.TS. Hoàng Thị Thanh Thủy+ ThS. Lê Thị Thùy Dương	2	0	6	4,5,6	A306	23/09/2024-29/11/2024	Học tại Trụ sở

STT	Lớp	Mã môn học	Môn học	Giảng viên	Số TC (LT)	Số TC (TH)	Thứ	Tiết	Phòng	Thời gian	Ghi chú
		190116002	Thực tập địa chất cơ sở	ThS. Lê Thị Thùy Dương	0	2	6	7,8,9, 10,11,12	A306	23/09/2024-29/11/2024	Học tại Trụ sở
37	13_ĐH_TV	111315006	Anh văn 1	ThS. Lại Hoài Châu+ThS. Nguyễn Lương Tuấn Dũng	3	0	4	7,8,9	502	23/09/2024-29/11/2024	
		111315006	Anh văn 1	ThS. Lại Hoài Châu+ThS. Nguyễn Lương Tuấn Dũng	3	0	5	1,2,3	503	23/09/2024-25/10/2024	
		111215009	Cơ - Nhiệt	TS. Trần Bá Lê Hoàng	2	0	2	7,8,9	609	23/09/2024-29/11/2024	
		111115008	Toán cao cấp 1	ThS. Huỳnh Đăng Nguyên	2	0	5	7,8,9	608	23/09/2024-29/11/2024	
		190116241	Khoa học trái đất	ThS. Nguyễn Thị Thanh Hoa+ TS. Cấn Thu Văn	2	0	3	10,11,12	610	23/09/2024-29/11/2024	
38	13_ĐH_KT	111315006	Anh văn 1	ThS. Lại Hoài Châu+ThS. Nguyễn Lương Tuấn Dũng	3	0	4	1,2,3	501	23/09/2024-29/11/2024	
		111315006	Anh văn 1	ThS. Lại Hoài Châu+ThS. Nguyễn Lương Tuấn Dũng	3	0	3	7,8,9	506	23/09/2024-25/10/2024	
		111215009	Cơ - Nhiệt	TS. Trần Bá Lê Hoàng	2	0	2	7,8,9	609	23/09/2024-29/11/2024	
		111215004	Hóa học đại cương	ThS.Nguyễn Thành Đức+ ThS.Nguyễn Thị Thúy Hằng	2	0	4	4,5,6	610	23/09/2024-29/11/2024	
		111115008	Toán cao cấp 1	ThS. Huỳnh Đăng Nguyên	2	0	5	7,8,9	608	23/09/2024-29/11/2024	
		131115005	Thiên văn	ThS. Nguyễn Thị Phương Chi	2	0	2	10,11,12	404	23/09/2024-29/11/2024	
		190116241	Khoa học trái đất		2	0	3	10,11,12	610	23/09/2024-29/11/2024	
39	13_ĐH_QLBĐ	111315006	Anh văn 1	ThS. Lại Hoài Châu+ThS. Nguyễn Lương Tuấn Dũng	3	0	4	7,8,9	502	23/09/2024-29/11/2024	
		111315006	Anh văn 1	ThS. Lại Hoài Châu+ThS. Nguyễn Lương Tuấn Dũng	3	0	5	1,2,3	503	23/09/2024-25/10/2024	
		111215004	Hóa học đại cương	ThS.Nguyễn Thành Đức+ ThS.Nguyễn Thị Thúy Hằng	2	0	4	4,5,6	610	23/09/2024-29/11/2024	
		210015107	Con người và môi trường biển	TS. Trần Thị Kim+TS. Lê Thị Kim Thoa	2	0	2	7,8,9	501	23/09/2024-29/11/2024	
		210015012	Địa lý tự nhiên Biển Đông	TS. Trần Thị Kim+TS. Lê Thị Kim Thoa	2	0	2	10,11,12	401	23/09/2024-29/11/2024	
		190116241	Khoa học trái đất	ThS. Nguyễn Thị Thanh Hoa+ TS. Cấn Thu Văn	2	0	3	10,11,12	610	23/09/2024-29/11/2024	
		111215005	Thí nghiệm hóa đại cương	ThS.Nguyễn Thành Đức	0	1	6	1,2,3, 4,5,6	PTN Hóa	28/10/2024-29/11/2024	Học tại Trụ sở

TP. Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 09 năm 2024

TL. HIỆU TRƯỞNG

KT.TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO

PHÓ TRƯỞNG PHÒNG

(Đã ký)

Võ Thị Tuyết Mai

Người lập biểu

(Đã ký)

Hà Anh Đông